

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-PT
Ngày: 26-9-2021
"V/v tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng
đất nông nghiệp "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Bằng và ông Nguyễn Văn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy
- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 26 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp; do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2021/QĐXX-PT ngày 01 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn B, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Duy V, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn B, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Luật sư Phạm Quang V - Công ty luật QV, Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn A, sinh năm 1962 và bà Ngô Thị M, sinh năm 1961 (ông A ủy quyền cho bà M tham gia tố tụng)

Địa chỉ: Thôn B, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Thị D
- Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Ông Bùi Duy V, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn B, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Cụ Đoàn Văn Đ, sinh năm 1942 và cụ Lê Thị T, sinh năm 1940

Địa chỉ: Thôn B, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

Cụ Đ và cụ T ủy quyền cho bà Ngô Thị M tham gia tố tụng.

- Anh Đoàn Văn D, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn B, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Chị Đoàn Thị Nh, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn ĐP, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, có mặt.

- Chị Đoàn Thị G, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm 2, xã N, huyện H, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

Chị G ủy quyền cho anh D tham gia tố tụng.

- Ông Đoàn Văn A, sinh năm 1962, bà Ngô Thị M sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn B, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương

4. Người kháng cáo: Bị đơn Ngô Thị M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ph, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là ông Bùi Duy V trình bày:

Ngày 07/11/2002 bà Ph (vợ ông V) và vợ chồng ông A, bà M lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp với tiêu đề Giấy biên nhận. Theo đó, ông A và bà M chuyển nhượng cho bà Ph và ông V thửa đất 82/3 diện tích 104m² và thửa đất 82/4 diện tích 634m², tổng diện tích 738m² (đo đạc thực tế 731m²) thuộc tờ bản đồ số 1, xứ đồng N tại thôn B, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương với giá 4.000.000 đồng. Bà Ph, ông V đã trả đủ tiền cho ông A, bà M và sử dụng đất liên tục từ đó cho tới nay, không có tranh chấp. Ông V, bà Ph xác định nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp của ông A, bà M là mua đứt bán đoạn, không xác định thời hạn vì trong hợp đồng thỏa thuận ông A phải có trách nhiệm sang tên quyền sử dụng đất. Từ khi ký hợp đồng chuyển nhượng, nhiều lần ông V, bà Ph đề nghị ông A, bà M hoàn thiện các thủ tục chuyển nhượng để vợ chồng ông bà đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông A, bà M không thực hiện. Bà Ph và ông V khởi kiện đề nghị Tòa án công nhận hiệu lực pháp luật của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/11/2002 để ông bà thực hiện các quyền, nghĩa vụ của

chủ sử dụng đất. Ngoài nội dung trên bà Ph ông V không yêu cầu giải quyết thêm nội dung nào khác.

[2]. Bị đơn đồng thời là người có quyền lợi liên quan là ông Đoàn Văn A, bà Ngô Thị M và người có quyền lợi liên quan là anh Đoàn Văn D, chị Đoàn Thị Nh, chị Đoàn Thị G do bà M là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1993, cụ T (mẹ đẻ ông A) được giao 104m² đất nông nghiệp thuộc thửa số 82/3, hộ gia đình ông A (gồm ông A, bà M, anh D, chị Nh, chị G và chị Ch (đã chết)) được giao 634m² đất nông nghiệp thuộc thửa số 82/4 (giáp thửa 82/3) đều thuộc tờ bản đồ số 01, xứ đồng N tại thôn B, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương. Ngay từ khi được giao đất, do cụ T chỉ có ông A là con duy nhất và không có nhu cầu sử dụng đất nên cụ T đã tặng cho ông A, bà M toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt thửa đất số 82/3. Ông A, bà M đã nhập hai thửa đất thành một để canh tác. Năm 1995, cụ T và hộ gia đình ông A, bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên. Do không có nhu cầu sử dụng, nên ngày 07/11/2002 ông A, bà M lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất nói trên cho bà Ph, ông V với giá 4.000.000 đồng. Ông bà đã giao đất và nhận đủ số tiền từ bà Ph nhưng xác định chỉ chuyển nhượng quyền sử dụng đất như thời hạn ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đến khi nhà nước chia lại ruộng. Nay bà Ph, ông V yêu cầu Tòa án công nhận hiệu lực pháp luật của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/11/2002 ông, bà không đồng ý.

[3]. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cụ Lê Thị T và cụ Đoàn Văn Đ trình bày:

Năm 1993 hộ gia đình cụ T có 01 khẩu là cụ T (cụ Đ là chồng cụ T đi thoát ly nên không được chia ruộng) được Nhà nước giao đất nông nghiệp trong đó có 104m² đất thuộc thửa số 82/3 tờ bản đồ số 1, xứ đồng N, thôn B, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương. Năm 1995, cụ T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do không có nhu cầu sử dụng đất và hai cụ chỉ có vợ chồng ông A là con duy nhất nên ngay từ khi được giao đất, hai cụ đã tặng cho vợ chồng ông A quyền quản lý, sử dụng, định đoạt thửa đất số 82/3. Ngày 07/11/2002 vợ chồng ông A lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 738m² trong đó có thửa đất 82/3 diện tích 104m² cho bà Ph với giá 4.000.000 đồng hai cụ đều biết, tuy không ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng hai cụ không phản đối. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận hiệu lực pháp luật của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 07/11/2002 giữa ông A, bà M với bà Ph đối với diện tích 731m² đất, thuộc thửa đất số 82/3, 82/4 hai cụ không đồng ý và ủy quyền cho bà M thay mặt tham gia tố tụng.

[4]. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 08/02/2021, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/11/2002 giữa ông Đoàn Văn A, bà Ngô Thị M và bà Nguyễn Thị Ph, đối với diện tích 731m² đất, thuộc thửa đất số 82/3, 82/4 thuộc tờ bản đồ số 1, xứ

đồng N địa chỉ thôn B, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương là hợp pháp. Văn bản giao dịch về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với tiêu đề Giấy biên nhận lập ngày 07/11/2002 giữa ông Đoàn Văn A, bà Ngô Thị M và bà Nguyễn Thị Ph có hiệu lực được tiếp tục thực hiện. Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Ngày 10/3/2021 bà M kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, những người có quyền lợi liên quan là anh Đoàn Văn D, chị Đoàn Thị G và chị Đoàn Thị Nh (là ba con đẻ của bà M và ông V) có văn bản trình bày ý kiến: Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm vì diện tích đất bà M, ông A chuyển nhượng cho vợ chồng bà Ph, ông V là của cả hộ gia đình gồm 07 nhân khẩu, anh D, chị G và chị Nh không biết việc ông V, bà M chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp trên và không được sử dụng số tiền chuyển nhượng đất nông nghiệp. Anh D, chị G và chị Nh thừa nhận có tự nguyện ủy quyền cho bà M thay mặt tham gia tố tụng ở cấp sơ thẩm nhưng bà M đã trình bày không đúng sự thật, không đúng ý kiến của các anh chị.

[6]. Tại phiên tòa phúc thẩm

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn xác định: Sau chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nguyên đơn, gia đình bị đơn vẫn nộp tiền làm đường giao thông nội đồng cho cả diện tích đất đã chuyển nhượng; giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi trong hợp đồng là thấp so với thực tế chuyển nhượng tại thời điểm chuyển nhượng; việc ông A, bà M chuyển nhượng quyền sử dụng đất các thành viên hộ gia đình không biết và không được hưởng lợi từ tiền chuyển nhượng; trong hợp đồng thể hiện hai bên thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đến khi nhà nước chia lại ruộng là chuyển nhượng có thời hạn không phải là chuyển nhượng dứt đoạn. Vì vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và buộc nguyên đơn trả lại diện tích đất nông nghiệp trên cho bị đơn và những người có quyền lợi liên quan đứng về phía bị đơn.

Người có quyền lợi liên quan là anh Đoàn Văn D và chị Đoàn Thị Nh xác định không biết việc ông A, bà M chuyển nhượng đất nông nghiệp của gia đình cho bà Ph, ông V và không được sử dụng số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do hiện nay anh chị có nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp nên đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm, tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và buộc nguyên đơn trả lại diện tích đất nông nghiệp trên cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng

Tại Quyết định số 03/2021/QĐ-PT ngày 07/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã chấp nhận kháng cáo quá hạn của bà Ngô Thị M nên kháng cáo của bà M hợp lệ.

Chị Đoàn Thị Ch là con gái ông A, bà M là thành viên hộ gia đình sử dụng đất nông nghiệp tại thời điểm giao đất 1993. Chị Ch chết ngày 22/3/2011 (trước khi Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án) không có chồng, con. Do vậy, ông A và bà M là những người được hưởng thừa kế toàn bộ quyền sử dụng đất nông nghiệp của chị Ch. Ngoài là bị đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông A và bà M là người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của chị Ch là không đúng. Tòa án cấp phúc thẩm xác định ngoài là bị đơn, ông A, bà M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung

Theo Giấy biên nhận ngày 07/11/2002 bà M, ông A đã chuyển nhượng cho bà Ph, ông V quyền sử dụng 738m² đất nông nghiệp tại xứ đồng N, thôn B, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương với giá 4.000.000 đồng. Giấy biên nhận có chữ ký của ông A, bà M là bên chuyển nhượng, bà Ph là bên nhận chuyển nhượng và người làm chứng là ông Bùi Duy T1 (đã chết). Bà Ph, ông V đã trả đủ số tiền 4.000.000 đồng cho bà M, ông A và sử dụng toàn bộ diện tích đất theo hợp đồng chuyển nhượng từ ngày 07/11/2002. Từ đó cho đến nay chưa bao giờ gia đình bà M, ông A có tranh chấp và đòi lại diện tích đất trên, đây là tình tiết các đương sự đều thừa nhận.

Tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của bà M, ông A và cụ T ở giai đoạn sơ thẩm đều thể hiện nguồn gốc diện tích đất nông nghiệp bà M, ông A chuyển nhượng cho vợ chồng bà Ph, ông V gồm hai thửa: Thửa số 82/3 diện tích 104m² được nhà nước giao cho hộ gia đình cụ T (gồm một mình cụ T là mẹ đẻ ông A) nhưng từ khi giao đất cụ T đã tặng cho vợ chồng ông A, bà M sử dụng, định đoạt quyền sử dụng thửa đất; 634m² đất còn lại thuộc thửa số 82/4 được nhà nước giao cho hộ gia đình ông A, bà M gồm 06 người là ông A, bà M, anh D, chị Nh, chị G và chị Ch (đã chết ngày 22/3/2011 không có chồng, con). Từ khi được giao thửa đất 82/4 và được cụ T tặng cho thửa đất 82/3, ông A và bà M đã nhập hai thửa thành một để sử dụng. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà M, ông A là bị đơn đồng thời bà M là đại diện theo ủy quyền của anh D, chị Nh, chị G và cụ T đều xác định cụ T, anh D, chị G, chị Nh và chị Ch (khi còn sống) đều biết việc vợ chồng ông A, bà M chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp cho vợ chồng bà Ph, ông V, số tiền nhận chuyển nhượng sử dụng vào việc chi tiêu chung của gia đình. Như vậy, có căn cứ xác định ông A, bà M chuyển nhượng đất nông nghiệp cho bà Ph, ông V ngày 07/11/2002 là có sự đồng ý của các thành viên trong hộ gia đình sử dụng đất nông nghiệp. Chỉ sau khi Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ

thẩm vụ án, anh D, chị Nh, chị G mới có văn bản xác định không biết bà M, ông A chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Ph, ông V và không được hưởng lợi từ tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp là không có căn cứ chấp nhận.

Theo chính sách giao đất nông nghiệp thời điểm năm 1993, diện tích đất nông nghiệp bà Ph, ông A chuyển nhượng cho bà M, ông V có thời hạn giao đất đến năm 2013. Tại thời điểm được giao đất (1993), các đương sự trong vụ án nói riêng và nông dân được giao đất nông nghiệp nói chung đều xác định đến hết hạn giao đất, nhà nước sẽ chia lại đất nông nghiệp như năm 1993. Tức là, người sử dụng đất nông nghiệp chỉ xác định mình có quyền sử dụng đất được giao đến năm 2013. Trong hợp đồng chuyển nhượng ngày 07/11/2002, các bên thỏa thuận chuyển nhượng đất đến khi nhà nước chia lại ruộng và ông A là bên chuyển nhượng có trách nhiệm sang tên, tức là điều chỉnh tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà Ph, ông V. Như vậy, có căn cứ xác định bà M, ông A và các thành viên trong hộ gia đình sử dụng đất nông nghiệp đã định đoạt, chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nông nghiệp số 82/3 và 82/4 cho bà Ph, ông V không thời hạn. Mặc khác, thực tế từ sau năm 2013 đến nay, bà M, ông A chưa bao giờ yêu cầu bà Ph, ông V trả lại diện tích đất đã chuyển nhượng. Do vậy, bà M kháng cáo cho rằng vợ chồng bà và các thành viên hộ gia đình chuyển nhượng đất nông nghiệp cho bà Ph, ông V có thời hạn là không có căn cứ chấp nhận.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/11/2002 được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên đủ năng lực chủ thể theo quy định của pháp luật, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Tuy Hợp đồng không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng bên nhận chuyển nhượng đã nhận đất sử dụng ổn định đến nay, bên chuyển nhượng đã nhận đủ tiền. Như vậy, có căn cứ xác định Hợp đồng nêu trên là hợp đồng hợp pháp. Bị đơn và những người có quyền lợi liên quan đứng về phía bị đơn đề nghị tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên vô hiệu là không có căn cứ chấp nhận. Việc bà M, ông A nộp tiền làm đường giao thông nội đồng đối với diện tích đất nông nghiệp đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà Ph như bà M và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà M trình bày tại phiên tòa phúc thẩm không làm thay đổi hiệu lực pháp luật của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/11/2002.

Tại Nghị quyết 49/2013/QH13 ngày 21/6/2013 của Quốc hội quy định “Khi hết thời hạn sử dụng, Nhà nước không điều chỉnh lại đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối đã giao cho hộ gia đình theo Luật Đất đai số 13/2003/QH11; hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối được tiếp tục sử dụng đất cho đến khi Luật Đất đai (sửa đổi) được ban hành và có hiệu lực thi hành, khi đó thời hạn sử dụng đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối của hộ gia đình, cá nhân áp dụng theo Luật Đất đai (sửa đổi)”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Luật Đất đai năm 2013, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đã nhận chuyển quyền sử dụng đất trước ngày Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực

thi hành, khi hết thời hạn sử dụng đất, nếu có nhu cầu thì được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai năm 2013. Thời hạn sử dụng đất tính từ ngày 15/10/2013 đối với trường hợp hết hạn vào ngày 15/10/2013 theo quy định của Luật Đất đai năm 2003; tính từ ngày hết thời hạn giao đất đối với trường hợp hết hạn sau ngày 15/10/2013. Như vậy, khi hết hạn sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2003, Nhà nước không điều chỉnh (chia) lại đất nông nghiệp mà tiếp tục công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sử dụng đất nông nghiệp hợp pháp. Như phân tích ở trên, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/11/2002 là hợp pháp nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất là của vợ chồng bà Ph và ông A là có căn cứ.

Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà M, cần giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Bà M kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Ngô Thị M. Giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Về án phí: Buộc ông bà Ngô Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0003744 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Bà M đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Lưu: Hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

